

Số: 107/TB-HKL

Biên Hòa, ngày 15 tháng 8 năm 2023

THÔNG BÁO
Kết quả lựa chọn tổ chức đấu giá tài sản

Căn cứ Thông tư 02/2022/TT-BTP ngày 08/02/2022 của Bộ Tư pháp hướng dẫn lựa chọn tổ chức đấu giá tài sản.

Sau thời gian thông báo lựa chọn tổ chức đấu giá tài sản trên Cổng thông tin điện tử quốc gia về đấu giá tài sản <http://dgts.moj.gov.vn> Hạt Kiểm lâm TP Biên Hoà nhận được hồ sơ năng lực tổ chức đấu giá của Trung tâm dịch vụ đấu giá tài sản tỉnh Đồng Nai, Công ty đấu giá Hợp danh Đông Nam, Công ty Đấu giá Hợp danh Miền Đông.

Ngày 14/8/2023 Hạt Kiểm lâm tổ chức cuộc họp lựa chọn tổ chức đấu giá thực hiện bán tài sản gồm 0,834 m³ gỗ xẻ Xoan đào; 2,082 m³ gỗ xẻ Căm xe; 0,953 m³ gỗ xẻ, gỗ tròn Căm xe; 2,426 m³ gỗ xẻ Bằng lăng; 0,947 m³ gỗ Tạp xẻ, kết quả như sau:

I. Kết quả lựa chọn

Tên, địa chỉ tổ chức đấu giá tài sản được lựa chọn: Công ty đấu giá Hợp danh Đông Nam; Địa chỉ: 56 Hiền Vương, phường Phú Thạnh, quận Tân Phú, TP Hồ Chí Minh.

Tổng số điểm của tổ chức đấu giá tài sản được lựa chọn: 85/100

Tổ chức đấu giá tài sản bị từ chối xem xét, đánh giá hồ sơ kèm theo lý do từ chối: Không

II. Kết quả chấm điểm:

TT	NỘI DUNG	Công ty đấu giá Hợp danh Đông Nam	Cty Đấu giá Hợp danh Miền Đông	TT Dịch vụ Đấu giá tài sản tỉnh Đồng Nai
I	Cơ sở vật chất, trang thiết bị cần thiết bảo đảm cho việc đấu giá đối với loại tài sản đấu giá	22	22	22
1	Cơ sở vật chất bảo đảm cho việc đấu giá	11,0	11,0	11,0
1.1	Có trụ sở ổn định, địa chỉ rõ ràng kèm theo thông tin liên hệ (số điện thoại, fax, địa chỉ thư điện tử...)	6,0	6,0	6,0
1.2	Địa điểm bán, tiếp nhận hồ sơ tham gia đấu giá được bố trí ở vị trí công khai, thuận tiện	5,0	5,0	5,0
2	Trang thiết bị cần thiết bảo đảm cho việc đấu giá	8,0	8,0	8,0
2.1	Có máy in, máy vi tính, máy chiếu, thùng đựng phiếu trả giá bảo đảm an toàn, bảo mật và các phương tiện khác bảo đảm cho việc đấu giá	4,0	4,0	4,0
2.2	Có hệ thống camera giám sát hoặc thiết bị ghi hình	4,0	4,0	4,0



TT	NỘI DUNG	Công ty đấu giá Hợp danh Đông Nam	Cty Đấu giá Hợp danh Miền Đông	TT Dịch vụ Đấu giá tài sản tỉnh Đông Nai
	tại nơi bán, tiếp nhận hồ sơ tham gia đấu giá; nơi tổ chức cuộc đấu giá			
3	Có trang thông tin điện tử đang hoạt động	2,0	2,0	2,0
4	Đã được cơ quan có thẩm quyền phê duyệt đủ điều kiện thực hiện hình thức đấu giá trực tuyến	0	0	0
5	Có nơi lưu trữ hồ sơ đấu giá	1,0	1,0	1,0
II	Phương án đấu giá khả thi, hiệu quả (Thuyết minh đầy đủ các nội dung trong phương án)	22,0	22,0	22,0
1	Phương án đấu giá đề xuất việc tổ chức đấu giá đúng quy định của pháp luật, bảo đảm tính công khai, minh bạch, khách quan	4,0	4,0	4,0
2	Phương án đấu giá đề xuất thời gian, địa điểm bán, tiếp nhận hồ sơ tham gia đấu giá, địa điểm tổ chức cuộc đấu giá, buổi công bố giá thuận lợi cho người tham gia đấu giá; hình thức đấu giá, bước giá, số vòng đấu giá có tính khả thi và hiệu quả cao	4,0	4,0	4,0
3	Phương án đấu giá đề xuất cách thức bảo mật thông tin, chống thông đồng, đùm giá	4,0	4	4,0
4	Phương án đấu giá đề xuất thêm các địa điểm, hình thức niêm yết, thông báo công khai khác nhằm tăng mức độ phổ biến thông tin đấu giá	4,0	4,0	4,0
5	Phương án đấu giá đề xuất giải pháp bảo đảm an toàn, an ninh trật tự cho việc tổ chức thực hiện đấu giá	3,0	3,0	3,0
6	Phương án đấu giá đề xuất các giải pháp giải quyết các tình huống phát sinh trong quá trình tổ chức thực hiện việc đấu giá	3,0	3,0	3,0
III	Năng lực, kinh nghiệm và uy tín của tổ chức đấu giá tài sản	36,0	33,0	33,0
1	Trong năm trước liền kề đã thực hiện hợp đồng dịch vụ đấu giá cùng loại tài sản với tài sản dự kiến đưa ra đấu giá	6,0	4,0	6,0
1.1	Dưới 03 hợp đồng (bao gồm trường hợp không thực hiện hợp đồng nào)			
1.2	Từ 03 hợp đồng đến dưới 10 hợp đồng			
1.3	Từ 10 hợp đồng đến dưới 20 hợp đồng		4,0	
1.4	Từ 20 hợp đồng đến dưới 30 hợp đồng			
1.5	Từ 30 hợp đồng trở lên	6,0		6,0
2	Trong năm trước liền kề đã tổ chức đấu giá thành các cuộc đấu giá cùng loại tài sản với tài sản dự kiến đưa ra đấu giá có mức chênh lệch trung bình giữa giá trúng đấu giá so với giá khởi điểm	12,0	10,0	10,0

TT	NỘI DUNG	Công ty đấu giá Hợp danh Đông Nam	Cty Đấu giá Hợp danh Miền Đông	TT Dịch vụ Đấu giá tài sản tỉnh Đông Nai
2.1	Dưới 20% (bao gồm trường hợp không có chênh lệch)		10,0	10
2.2	Từ 20% đến dưới 40%	12		
2.3	Từ 40% đến dưới 70%			
2.4	Từ 70% đến dưới 100%			
2.5	Từ 100% trở lên			
3	Thời gian hoạt động trong lĩnh vực đấu giá tài sản tính từ thời điểm có Quyết định thành lập hoặc được cấp Giấy đăng ký hoạt động	5,0	5,0	5,0
3.1	Dưới 03 năm			
3.2	Từ 03 năm đến dưới 05 năm			
3.3	Từ 05 năm trở lên	5,0	5,0	5,0
4	Số lượng đấu giá viên của tổ chức đấu giá tài sản	3,0	3,0	2,0
4.1	01 đấu giá viên			
4.2	Từ 02 đến dưới 05 đấu giá viên			2,0
4.3	Từ 05 đấu giá viên trở lên	3,0	3,0	
5	Kinh nghiệm hành nghề của đấu giá viên của tổ chức đấu giá tài sản	4,0	4,0	4,0
5.1	Không có đấu giá viên có thời gian hành nghề từ 03 năm trở lên			
5.2	Từ 01 đến 02 đấu giá viên có thời gian hành nghề từ 03 năm trở lên			
5.3	Từ 03 đấu giá viên trở lên có thời gian hành nghề từ 03 năm trở lên	4,0	4,0	4,0
6	Nộp thuế thu nhập doanh nghiệp hoặc đóng góp vào ngân sách Nhà nước trong năm trước liền kề, trừ thuế giá trị gia tăng	2,0	3,0	3,0
6.1	Dưới 50 triệu đồng	2,0		
6.2	Từ 50 triệu đồng đến dưới 100 triệu đồng		3,0	3,0
6.3	Từ 100 triệu đồng đến dưới 200 triệu đồng			
6.4	Từ 200 triệu đồng trở lên			
7	Đội ngũ nhân viên làm việc theo hợp đồng lao động	3,0	3,0	2,0
7.1	Dưới 03 nhân viên (bao gồm trường hợp không có nhân viên nào)			2,0
7.2	Từ 03 nhân viên trở lên	3,0	3,0	
8	Có người tập sự hành nghề trong tổ chức đấu giá tài sản trong năm trước liền kề hoặc năm nộp hồ sơ đăng ký tham gia lựa chọn	1,0	1,0	1,0
IV	Thù lao dịch vụ đấu giá, chi phí đấu giá tài sản phù hợp	5,0	5,0	5,0

TT	NỘI DUNG	Công ty đấu giá Hợp danh Đông Nam	Cty Đấu giá Hợp danh Miền Đông	TT Dịch vụ Đấu giá tài sản tỉnh Đồng Nai
1	Bảng mức thù lao dịch vụ đấu giá theo quy định của Bộ Tài chính			
2	Giảm dưới 20% mức tối đa thù lao dịch vụ đấu giá (không áp dụng đối với mức thù lao phần trăm trên phần chênh lệch giá trị tài sản theo giá trúng đấu giá với giá khởi điểm theo quy định của Bộ Tài chính)			
3	Giảm từ 20% trở lên mức tối đa thù lao dịch vụ đấu giá (không áp dụng đối với mức thù lao phần trăm trên phần chênh lệch giá trị tài sản theo giá trúng đấu giá với giá khởi điểm theo quy định của Bộ Tài chính)	5,0	5,0	5,0
V	Tiêu chí khác phù hợp với tài sản đấu giá do người có tài sản đấu giá quyết định	0	0	0
Tổng số điểm		85	82	82

Các tổ chức đấu giá có ý kiến về kết quả chấm điểm, hồ sơ năng lực, lựa chọn tổ chức đấu giá vui lòng đến trực tiếp tại Hạt Kiểm lâm TP Biên Hòa hoặc xin liên hệ qua số điện thoại 0251 3685769; di động 0985959818.

Hạt Kiểm lâm TP Biên Hoà trân trọng thông báo để các tổ chức đấu giá tài sản biết và phối hợp thực hiện (kèm theo biên bản họp lựa chọn tổ chức đấu giá tài sản ngày 14/8/2023).

Nơi nhận:

- Cổng thông tin điện tử quốc gia về đấu giá tài sản;
- Công ty đấu giá Hợp danh Đông Nam;
- TT dịch vụ đấu giá tài sản tỉnh Đồng Nai;
- Công ty Đấu giá Hợp danh Miền Đông;
- Chi cục Kiểm lâm (thay b/c);
- Niêm yết tại văn phòng Hạt;
- Lưu: VT, PC.

**KT. HẠT TRƯỞNG
PHÓ HẠT TRƯỞNG**



Lại Ngọc Dậu

Biên Hòa, ngày 14 tháng 8 năm 2023

BIÊN BẢN CUỘC HỌP

Về việc lựa chọn tổ chức đấu giá tài sản thực hiện bán đấu giá Lô 0,834 m³ gỗ xẻ Xoan đào; 2,082 m³ gỗ xẻ Căm xe; 0,953 m³ gỗ xẻ, gỗ tròn Căm xe; 2,426 m³ gỗ xẻ Bằng lăng; 0,947 m³ gỗ Tạp xẻ

Căn cứ Thông tư 02/2022/TT-BTP ngày 08/02/2022 của Bộ Tư pháp hướng dẫn lựa chọn tổ chức đấu giá tài sản;

Căn cứ hồ sơ năng lực tổ chức đấu giá của Trung tâm dịch vụ đấu giá tài sản tỉnh Đồng Nai, Công ty đấu giá Hợp danh Đông Nam, Công ty Đấu giá Hợp danh Miền Đông.

Hôm nay ngày 14 tháng 8 năm 2023, lúc 08h00 tại Hạt Kiểm lâm TP Biên Hòa, Hội đồng tổ chức bán đấu giá tài sản hợp đánh giá, chấm điểm để lựa chọn Tổ chức đấu giá thực hiện bán đấu giá Lô 0,834 m³ gỗ xẻ Xoan đào; 2,082 m³ gỗ xẻ Căm xe; 0,953 m³ gỗ xẻ, gỗ tròn Căm xe; 2,426 m³ gỗ xẻ Bằng lăng; 0,947 m³ gỗ Tạp xẻ.

I. Thành phần tham dự

Ông Lại Ngọc Dậu; chức vụ: Phụ trách Hạt – Chủ tịch hội đồng;

Bà Hoàng Thị Hồng; Kiểm lâm viên - thành viên;

Ông Nguyễn Văn Công; Kiểm lâm viên Phòng HCTH – thành viên;

Ông Ngô Xuân Hùng; Kiểm lâm viên – thành viên;

Ông Nguyễn Hải Giang; Kiểm lâm viên – thành viên.

II. Nội dung cuộc họp

Sau thời gian thông báo lựa chọn tổ chức đấu giá tài sản trên cổng thông tin điện tử quốc gia về đấu giá tài sản <http://dgs.moj.gov.vn> Hạt Kiểm lâm huyện TP Biên Hòa nhận được 03 bộ hồ sơ năng lực đấu giá của Trung tâm dịch vụ đấu giá tài sản tỉnh Đồng Nai, Công ty đấu giá Hợp danh Đông Nam, Công ty Đấu giá Hợp danh Miền Đông. Các tiêu chí lựa chọn tổ chức đấu giá tài sản bao gồm:

- Tiêu chí về cơ sở vật chất, trang thiết bị cần thiết bảo đảm cho việc đấu giá tài sản.

- Tiêu chí về phương án đấu giá khả thi, hiệu quả.

- Tiêu chí về năng lực, kinh nghiệm và uy tín của tổ chức đấu giá tài sản.

- Tiêu chí về thù lao dịch vụ đấu giá.

- Tiêu chí phải có tên trong danh sách các tổ chức đấu giá tài sản do Bộ Tư pháp công bố.

Tổ chức đấu giá tài sản được lựa chọn là tổ chức có tổng số điểm cao nhất của tất cả các tiêu chí cộng lại. Trường hợp có từ hai tổ chức đấu giá tài sản trở lên có tổng số điểm cao nhất bằng nhau thì chúng tôi sẽ xem xét, quyết định lựa chọn một trong các tổ chức đó.

Trên cơ sở hồ sơ năng lực đấu giá của các Tổ chức đấu giá, chúng tôi thảo luận, đánh giá và chấm điểm, kết quả như sau:

1. Đánh giá và chấm điểm hồ sơ năng lực đấu giá tài sản của Trung tâm dịch vụ đấu giá tài sản tỉnh Đồng Nai

TT	NỘI DUNG	MỨC TỐI ĐA	MỨC ĐÁNH GIÁ
I	Cơ sở vật chất, trang thiết bị cần thiết bảo đảm cho việc đấu giá đối với loại tài sản đấu giá	23,0	22
1	Cơ sở vật chất bảo đảm cho việc đấu giá	11,0	11,0
	Có trụ sở ổn định, địa chỉ rõ ràng kèm theo thông tin liên hệ (số điện thoại, fax, địa chỉ thư điện tử...)	6,0	6,0
	Địa điểm bán, tiếp nhận hồ sơ tham gia đấu giá được bố trí ở vị trí công khai, thuận tiện	5,0	5,0
2	Trang thiết bị cần thiết bảo đảm cho việc đấu giá	8,0	8,0
	Có máy in, máy vi tính, máy chiếu, thùng đựng phiếu trả giá bảo đảm an toàn, bảo mật và các phương tiện khác bảo đảm cho việc đấu giá	4,0	4,0
	Có hệ thống camera giám sát hoặc thiết bị ghi hình tại nơi bán, tiếp nhận hồ sơ tham gia đấu giá; nơi tổ chức cuộc đấu giá	4,0	4,0
3	Có trang thông tin điện tử đang hoạt động (http://stp.dongnai.gov.vn)	2,0	2,0
4	Đã được cơ quan có thẩm quyền phê duyệt đủ điều kiện thực hiện hình thức đấu giá trực tuyến (thuê trang thông tin điện tử của Cty đấu giá hợp danh số 5 – Quốc gia; http://daugiaso5.vn ; http://daugiaviet.vn)	1,0	0
5	Có nơi lưu trữ hồ sơ đấu giá (diện tích 30m ²)	1,0	1,0
II	Phương án đấu giá khả thi, hiệu quả	22,0	22,0
1	Phương án đấu giá đề xuất việc tổ chức đấu giá đúng quy định của pháp luật, bảo đảm tính công khai, minh bạch, khách quan	4,0	4,0
2	Phương án đấu giá đề xuất thời gian, địa điểm bán, tiếp nhận hồ sơ tham gia đấu giá, địa điểm tổ chức cuộc đấu giá, buổi công bố giá thuận lợi cho người tham gia đấu giá; hình thức đấu giá, bước giá, số vòng đấu giá có tính khả thi và hiệu quả	4,0	4,0
3	Phương án đấu giá đề xuất cách thức bảo mật thông tin, chống thông đồng, đim giá	4,0	4,0
4	Phương án đấu giá đề xuất thêm các địa điểm, hình thức niêm yết, thông báo công khai khác nhằm tăng mức độ phổ biến thông tin đấu giá	4,0	4,0
5	Phương án đấu giá đề xuất giải pháp bảo đảm an toàn, an ninh trật tự cho việc tổ chức thực hiện đấu giá	3,0	3,0

6	Phương án đấu giá đề xuất các giải pháp giải quyết các tình huống phát sinh trong quá trình tổ chức thực hiện việc đấu giá	3,0	3,0
III	Năng lực, kinh nghiệm và uy tín của tổ chức đấu giá tài sản	45,0	33,0
1	Trong năm trước liền kề đã thực hiện hợp đồng dịch vụ đấu giá cùng loại tài sản với tài sản dự kiến đưa ra đấu giá (85 hợp đồng)	6,0	6,0
1.1	Dưới 03 hợp đồng (bao gồm trường hợp không thực hiện hợp đồng nào)	2,0	
1.2	Từ 03 hợp đồng đến dưới 10 hợp đồng	3,0	
1.3	Từ 10 hợp đồng đến dưới 20 hợp đồng	4,0	
1.4	Từ 20 hợp đồng đến dưới 30 hợp đồng	5,0	
1.5	Từ 30 hợp đồng trở lên	6,0	6,0
2	Trong năm trước liền kề đã tổ chức đấu giá thành các cuộc đấu giá cùng loại tài sản với tài sản dự kiến đưa ra đấu giá có mức chênh lệch trung bình giữa giá trúng đấu giá so với giá khởi điểm (5,93%)	18,0	10,0
2.1	Dưới 20% (bao gồm trường hợp không có chênh lệch)	10,0	10
2.2	Từ 20% đến dưới 40%	12,0	
2.3	Từ 40% đến dưới 70%	14,0	
2.4	Từ 70% đến dưới 100%	16,0	
2.5	Từ 100% trở lên	18,0	
3	Thời gian hoạt động trong lĩnh vực đấu giá tài sản tính từ thời điểm có Quyết định thành lập hoặc được cấp Giấy đăng ký hoạt động (Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh đối với doanh nghiệp đấu giá tài sản được thành lập trước ngày Luật Đấu giá tài sản có hiệu lực)	5,0	5,0
3.1	Dưới 03 năm	3,0	
3.2	Từ 03 năm đến dưới 05 năm	4,0	
3.3	Từ 05 năm trở lên: Quyết định số 18/1998/QĐ-UBT ngày 02/01/1998	5,0	5,0
4	Số lượng đấu giá viên của tổ chức đấu giá tài sản (03 người)	3,0	2,0
4.1	01 đấu giá viên	1,0	
4.2	Từ 02 đến dưới 05 đấu giá viên	2,0	2,0
4.3	Từ 05 đấu giá viên trở lên	3,0	
5	Kinh nghiệm hành nghề của đấu giá viên của tổ chức đấu giá tài sản tính từ thời điểm được cấp Thẻ đấu giá viên theo Nghị định số 05/2005/NĐ-CP ngày 18/01/2005 của Chính phủ về bán đấu giá tài sản hoặc đăng ký danh sách đấu giá viên tại Sở Tư pháp theo Nghị định số 17/2010/NĐ-CP ngày 04/3/2010 của Chính phủ về bán đấu giá tài sản hoặc Thẻ đấu giá viên theo Luật Đấu giá tài sản (03 người cấp thẻ đấu giá viên ngày 15/11/2017)	4,0	4,0

5.1	Không có đầu giá viên có thời gian hành nghề từ 03 năm trở lên	2,0	
5.2	Từ 01 đến 02 đầu giá viên có thời gian hành nghề từ 03 năm trở lên	3,0	
5.3	Từ 03 đầu giá viên trở lên có thời gian hành nghề từ 03 năm trở lên	4,0	4,0
6	Nộp thuế thu nhập doanh nghiệp hoặc đóng góp vào ngân sách Nhà nước trong năm trước liền kề, trừ thuế giá trị gia tăng 76.367.698 đồng	5,0	3,0
6.1	Dưới 50 triệu đồng	2,0	
6.2	Từ 50 triệu đồng đến dưới 100 triệu đồng	3,0	3,0
6.3	Từ 100 triệu đồng đến dưới 200 triệu đồng	4,0	
6.4	Từ 200 triệu đồng trở lên	5,0	
7	Đội ngũ nhân viên làm việc theo hợp đồng lao động	3,0	2,0
7.1	Dưới 03 nhân viên (bao gồm trường hợp không có nhân viên nào)	2,0	2,0
7.2	Từ 03 nhân viên trở lên	3,0	
8	Có người tập sự hành nghề trong tổ chức đấu giá tài sản trong năm trước liền kề hoặc năm nộp hồ sơ đăng ký tham gia lựa chọn (02 người; Thông báo số 48/TB-STP ngày 15/4/2021)	1,0	1,0
IV	Thủ lao dịch vụ đấu giá, chi phí đấu giá tài sản phù hợp (giảm 25%)	5,0	5,0
1	Bảng mức thủ lao dịch vụ đấu giá theo quy định của Bộ Tài chính	3,0	
2	Giảm dưới 20% mức tối đa thủ lao dịch vụ đấu giá (không áp dụng đối với mức thủ lao phần trăm trên phần chênh lệch giá trị tài sản theo giá trúng đấu giá với giá khởi điểm theo quy định của Bộ Tài chính)	4,0	
3	Giảm từ 20% trở lên mức tối đa thủ lao dịch vụ đấu giá (không áp dụng đối với mức thủ lao phần trăm trên phần chênh lệch giá trị tài sản theo giá trúng đấu giá với giá khởi điểm theo quy định của Bộ Tài chính)	5,0	5,0
V	Tiêu chí khác phù hợp với tài sản đấu giá do người có tài sản đấu giá quyết định	5,0	0
Tổng số điểm		100	82
VI	Có tên trong danh sách các tổ chức đấu giá tài sản do Bộ Tư pháp công bố		
1	Có tên trong danh sách tổ chức đấu giá tài sản do Bộ Tư pháp công bố (VB số 5236/TB-BTP ngày 28/12/2022)	Đủ điều kiện	Đủ điều kiện
2	Không có tên trong danh sách tổ chức đấu giá tài sản do Bộ Tư pháp công bố	Không đủ điều kiện	

2. Đánh giá và chấm điểm hồ sơ năng lực đấu giá tài sản của Công ty đấu giá Hợp danh Đông Nam

TT	NỘI DUNG	MỨC TỐI ĐA	MỨC ĐÁNH GIÁ
I	Cơ sở vật chất, trang thiết bị cần thiết bảo đảm cho việc đấu giá đối với loại tài sản đấu giá	23,0	22
1	Cơ sở vật chất bảo đảm cho việc đấu giá	11,0	11,0
	Có trụ sở ổn định, địa chỉ rõ ràng kèm theo thông tin liên hệ (số điện thoại, fax, địa chỉ thư điện tử...)	6,0	6,0
	Địa điểm bán, tiếp nhận hồ sơ tham gia đấu giá được bố trí ở vị trí công khai, thuận tiện	5,0	5,0
2	Trang thiết bị cần thiết bảo đảm cho việc đấu giá	8,0	8,0
	Có máy in, máy vi tính, máy chiếu, thùng đựng phiếu trả giá bảo đảm an toàn, bảo mật và các phương tiện khác bảo đảm cho việc đấu giá	4,0	4,0
	Có hệ thống camera giám sát hoặc thiết bị ghi hình tại nơi bán, tiếp nhận hồ sơ tham gia đấu giá; nơi tổ chức cuộc đấu giá	4,0	4,0
3	Có trang thông tin điện tử đang hoạt động (http://daugiadongnam.com)	2,0	2,0
4	Đã được cơ quan có thẩm quyền phê duyệt đủ điều kiện thực hiện hình thức đấu giá trực tuyến (Quyết định 112/QĐ-STP ngày 12/5/2020 của Sở Tư pháp; http://daugiadongnam.vn ; http://daugiaviet.vn)	1,0	0
5	Có nơi lưu trữ hồ sơ đấu giá	1,0	1,0
II	Phương án đấu giá khả thi, hiệu quả	22,0	22,0
1	Phương án đấu giá đề xuất việc tổ chức đấu giá đúng quy định của pháp luật, bảo đảm tính công khai, minh bạch, khách quan	4,0	4,0
2	Phương án đấu giá đề xuất thời gian, địa điểm bán, tiếp nhận hồ sơ tham gia đấu giá, địa điểm tổ chức cuộc đấu giá, buổi công bố giá thuận lợi cho người tham gia đấu giá; hình thức đấu giá, bước giá, số vòng đấu giá có tính khả thi và hiệu quả	4,0	4,0
3	Phương án đấu giá đề xuất cách thức bảo mật thông tin, chống thông đồng, dìm giá	4,0	4,0
4	Phương án đấu giá đề xuất thêm các địa điểm, hình thức niêm yết, thông báo công khai khác nhằm tăng mức độ phổ biến thông tin đấu giá	4,0	4,0
5	Phương án đấu giá đề xuất giải pháp bảo đảm an toàn, an ninh trật tự cho việc tổ chức thực hiện đấu giá	3,0	3,0
6	Phương án đấu giá đề xuất các giải pháp giải quyết các tình huống phát sinh trong quá trình tổ chức thực hiện việc đấu giá	3,0	3,0
III	Năng lực, kinh nghiệm và uy tín của tổ chức đấu giá tài sản	45,0	36,0
1	Trong năm trước liền kề đã thực hiện hợp đồng dịch vụ đấu giá cùng loại tài sản với tài sản dự kiến đưa ra đấu giá	6,0	6,0
1.1	Dưới 03 hợp đồng (bao gồm trường hợp không thực hiện hợp đồng nào)	2,0	

1.2	Từ 03 hợp đồng đến dưới 10 hợp đồng	3,0	
1.3	Từ 10 hợp đồng đến dưới 20 hợp đồng	4,0	
1.4	Từ 20 hợp đồng đến dưới 30 hợp đồng	5,0	
1.5	Từ 30 hợp đồng trở lên (42 hợp đồng)	6,0	6,0
2	Trong năm trước liền kề đã tổ chức đấu giá thành các cuộc đấu giá cùng loại tài sản với tài sản dự kiến đưa ra đấu giá có mức chênh lệch trung bình giữa giá trúng đấu giá so với giá khởi điểm	18,0	12,0
2.1	Dưới 20% (bao gồm trường hợp không có chênh lệch)	10,0	
2.2	Từ 20% đến dưới 40% (29%)	12,0	12
2.3	Từ 40% đến dưới 70%	14,0	
2.4	Từ 70% đến dưới 100%	16,0	
2.5	Từ 100% trở lên	18,0	
3	Thời gian hoạt động trong lĩnh vực đấu giá tài sản tính từ thời điểm có Quyết định thành lập hoặc được cấp Giấy đăng ký hoạt động (Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh đối với doanh nghiệp đấu giá tài sản được thành lập trước ngày Luật Đấu giá tài sản có hiệu lực)	5,0	5,0
3.1	Dưới 03 năm	3,0	
3.2	Từ 03 năm đến dưới 05 năm	4,0	
3.3	Từ 05 năm trở lên (Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh ngày 21/6/2016)	5,0	5,0
4	Số lượng đấu giá viên của tổ chức đấu giá tài sản	3,0	3,0
4.1	01 đấu giá viên	1,0	
4.2	Từ 02 đến dưới 05 đấu giá viên	2,0	
4.3	Từ 05 đấu giá viên trở lên: 08 người	3,0	3,0
5	Kinh nghiệm hành nghề của đấu giá viên của tổ chức đấu giá tài sản tính từ thời điểm được cấp Thẻ đấu giá viên theo Nghị định số 05/2005/NĐ-CP ngày 18/01/2005 của Chính phủ về bán đấu giá tài sản hoặc đăng ký danh sách đấu giá viên tại Sở Tư pháp theo Nghị định số 17/2010/NĐ-CP ngày 04/3/2010 của Chính phủ về bán đấu giá tài sản hoặc Thẻ đấu giá viên theo Luật Đấu giá tài sản	4,0	4,0
5.1	Không có đấu giá viên có thời gian hành nghề từ 03 năm trở lên	2,0	
5.2	Từ 01 đến 02 đấu giá viên có thời gian hành nghề từ 03 năm trở lên	3,0	
5.3	Từ 03 đấu giá viên trở lên có thời gian hành nghề từ 03 năm trở lên (05 người)	4,0	4,0
6	Nộp thuế thu nhập doanh nghiệp hoặc đóng góp vào ngân sách Nhà nước trong năm trước liền kề, trừ thuế giá trị gia tăng	5,0	2,0
6.1	Dưới 50 triệu đồng: 13.000.000 đồng	2,0	2,0
6.2	Từ 50 triệu đồng đến dưới 100 triệu đồng	3,0	

6.3	Từ 100 triệu đồng đến dưới 200 triệu đồng	4,0	
6.4	Từ 200 triệu đồng trở lên	5,0	
7	Đội ngũ nhân viên làm việc theo hợp đồng lao động	3,0	3,0
7.1	Dưới 03 nhân viên (bao gồm trường hợp không có nhân viên nào)	2,0	
7.2	Từ 03 nhân viên trở lên (15 người)	3,0	3,0
8	Có người tập sự hành nghề trong tổ chức đấu giá tài sản trong năm trước liền kề hoặc năm nộp hồ sơ đăng ký tham gia lựa chọn (02 người)	1,0	1,0
IV	Thù lao dịch vụ đấu giá, chi phí đấu giá tài sản phù hợp (giảm 25%)	5,0	5,0
1	Bằng mức thù lao dịch vụ đấu giá theo quy định của Bộ Tài chính	3,0	
2	Giảm dưới 20% mức tối đa thù lao dịch vụ đấu giá (không áp dụng đối với mức thù lao phần trăm trên phần chênh lệch giá trị tài sản theo giá trúng đấu giá với giá khởi điểm theo quy định của Bộ Tài chính)	4,0	
3	Giảm từ 20% trở lên mức tối đa thù lao dịch vụ đấu giá (không áp dụng đối với mức thù lao phần trăm trên phần chênh lệch giá trị tài sản theo giá trúng đấu giá với giá khởi điểm theo quy định của Bộ Tài chính)	5,0	5,0
V	Tiêu chí khác phù hợp với tài sản đấu giá do người có tài sản đấu giá quyết định	5,0	
Tổng số điểm		100	85
VI	Có tên trong danh sách các tổ chức đấu giá tài sản do Bộ Tư pháp công bố		
1	Có tên trong danh sách tổ chức đấu giá tài sản do Bộ Tư pháp công bố (VB số 5236/TB-BTP ngày 28/12/2022)	Đủ điều kiện	Đủ điều kiện
2	Không có tên trong danh sách tổ chức đấu giá tài sản do Bộ Tư pháp công bố	Không đủ điều kiện	

3. Đánh giá và chấm điểm hồ sơ năng lực đấu giá tài sản của Công ty đấu giá Hợp danh Miền Đông

TT	NỘI DUNG	MỨC TỐI ĐA	MỨC ĐÁNH GIÁ
I	Cơ sở vật chất, trang thiết bị cần thiết bảo đảm cho việc đấu giá đối với loại tài sản đấu giá	23,0	22
1	Cơ sở vật chất bảo đảm cho việc đấu giá	11,0	11,0
	Có trụ sở ổn định, địa chỉ rõ ràng kèm theo thông tin liên hệ (số điện thoại, fax, địa chỉ thư điện tử...)	6,0	6,0
	Địa điểm bán, tiếp nhận hồ sơ tham gia đấu giá được bố trí ở vị trí công khai, thuận tiện	5,0	5,0
2	Trang thiết bị cần thiết bảo đảm cho việc đấu giá	8,0	8,0
	Có máy in, máy vi tính, máy chiếu, thùng đựng phiếu trả giá bảo đảm an toàn, bảo mật và các phương tiện khác bảo đảm cho việc đấu giá	4,0	4,0

	Có hệ thống camera giám sát hoặc thiết bị ghi hình tại nơi bán, tiếp nhận hồ sơ tham gia đấu giá; nơi tổ chức cuộc đấu giá	4,0	4,0
3	Có trang thông tin điện tử đang hoạt động (http://daugiamientong.com)	2,0	2,0
4	Đã được cơ quan có thẩm quyền phê duyệt đủ điều kiện thực hiện hình thức đấu giá trực tuyến: http://daugiaviet.vn	1,0	0
5	Có nơi lưu trữ hồ sơ đấu giá	1,0	1,0
II	Phương án đấu giá khả thi, hiệu quả	22,0	22,0
1	Phương án đấu giá đề xuất việc tổ chức đấu giá đúng quy định của pháp luật, bảo đảm tính công khai, minh bạch, khách quan	4,0	4,0
2	Phương án đấu giá đề xuất thời gian, địa điểm bán, tiếp nhận hồ sơ tham gia đấu giá, địa điểm tổ chức cuộc đấu giá, buổi công bố giá thuận lợi cho người tham gia đấu giá; hình thức đấu giá, bước giá, số vòng đấu giá có tính khả thi và hiệu quả	4,0	4,0
3	Phương án đấu giá đề xuất cách thức bảo mật thông tin, chống thông đồng, dìm giá	4,0	4,0
4	Phương án đấu giá đề xuất thêm các địa điểm, hình thức niêm yết, thông báo công khai khác nhằm tăng mức độ phổ biến thông tin đấu giá	4,0	4,0
5	Phương án đấu giá đề xuất giải pháp bảo đảm an toàn, an ninh trật tự cho việc tổ chức thực hiện đấu giá	3,0	3,0
6	Phương án đấu giá đề xuất các giải pháp giải quyết các tình huống phát sinh trong quá trình tổ chức thực hiện việc đấu giá	3,0	3,0
III	Năng lực, kinh nghiệm và uy tín của tổ chức đấu giá tài sản	45,0	33,0
1	Trong năm trước liền kề đã thực hiện hợp đồng dịch vụ đấu giá cùng loại tài sản với tài sản dự kiến đưa ra đấu giá	6,0	4,0
1.1	Dưới 03 hợp đồng (bao gồm trường hợp không thực hiện hợp đồng nào)	2,0	
1.2	Từ 03 hợp đồng đến dưới 10 hợp đồng	3,0	
1.3	Từ 10 hợp đồng đến dưới 20 hợp đồng (17 hợp đồng)	4,0	4,0
1.4	Từ 20 hợp đồng đến dưới 30 hợp đồng	5,0	
1.5	Từ 30 hợp đồng trở lên	6,0	
2	Trong năm trước liền kề đã tổ chức đấu giá thành các cuộc đấu giá cùng loại tài sản với tài sản dự kiến đưa ra đấu giá có mức chênh lệch trung bình giữa giá trúng đấu giá so với giá khởi điểm	18,0	10,0
2.1	Dưới 20% (bao gồm trường hợp không có chênh lệch; 9%)	10,0	10,0
2.2	Từ 20% đến dưới 40%	12,0	
2.3	Từ 40% đến dưới 70%	14,0	
2.4	Từ 70% đến dưới 100%	16,0	
2.5	Từ 100% trở lên	18,0	
3	Thời gian hoạt động trong lĩnh vực đấu giá tài sản tính từ thời điểm có Quyết định thành lập hoặc được cấp Giấy đăng ký hoạt động (Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh	5,0	5,0

	đối với doanh nghiệp đấu giá tài sản được thành lập trước ngày Luật Đấu giá tài sản có hiệu lực)		
3.1	Dưới 03 năm	3,0	
3.2	Từ 03 năm đến dưới 05 năm	4,0	
3.3	Từ 05 năm trở lên: Giấy đăng ký hoạt động số 04/Tp-ĐKHD ngày 08/10/2018	5,0	5,0
4	Số lượng đấu giá viên của tổ chức đấu giá tài sản	3,0	3,0
4.1	01 đấu giá viên	1,0	
4.2	Từ 02 đến dưới 05 đấu giá viên	2,0	
4.3	Từ 05 đấu giá viên trở lên (05 người, số thẻ 20/DGV, 34/DGV, 37/DGV, 38/DGV, 39/DGV)	3,0	3,0
5	Kinh nghiệm hành nghề của đấu giá viên của tổ chức đấu giá tài sản tính từ thời điểm được cấp Thẻ đấu giá viên theo Nghị định số 05/2005/NĐ-CP ngày 18/01/2005 của Chính phủ về bán đấu giá tài sản hoặc đăng ký danh sách đấu giá viên tại Sở Tư pháp theo Nghị định số 17/2010/ NĐ-CP ngày 04/3/2010 của Chính phủ về bán đấu giá tài sản hoặc Thẻ đấu giá viên theo Luật Đấu giá tài sản	4,0	4,0
5.1	Không có đấu giá viên có thời gian hành nghề từ 03 năm trở lên	2,0	
5.2	Từ 01 đến 02 đấu giá viên có thời gian hành nghề từ 03 năm trở lên	3,0	
5.3	Từ 03 đấu giá viên trở lên có thời gian hành nghề từ 03 năm trở lên	4,0	4,0
6	Nộp thuế thu nhập doanh nghiệp hoặc đóng góp vào ngân sách Nhà nước trong năm trước liền kề, trừ thuế giá trị gia tăng	5,0	3,0
6.1	Dưới 50 triệu đồng	2,0	
6.2	Từ 50 triệu đồng đến dưới 100 triệu đồng (55.654.012 đồng)	3,0	3,0
6.3	Từ 100 triệu đồng đến dưới 200 triệu đồng	4,0	
6.4	Từ 200 triệu đồng trở lên	5,0	
7	Đội ngũ nhân viên làm việc theo hợp đồng lao động	3,0	3,0
7.1	Dưới 03 nhân viên (bao gồm trường hợp không có nhân viên nào)	2,0	
7.2	Từ 03 nhân viên trở lên (09 lao động hợp đồng)	3,0	3,0
8	Có người tập sự hành nghề trong tổ chức đấu giá tài sản trong năm trước liền kề hoặc năm nộp hồ sơ đăng ký tham gia lựa chọn	1,0	1,0
IV	Thù lao dịch vụ đấu giá, chi phí đấu giá tài sản phù hợp	5,0	5,0
1	Bằng mức thù lao dịch vụ đấu giá theo quy định của Bộ Tài chính	3,0	
2	Giảm dưới 20% mức tối đa thù lao dịch vụ đấu giá (không áp dụng đối với mức thù lao phần trăm trên phần chênh lệch giá trị tài sản theo giá trúng đấu giá với giá khởi điểm theo quy định của Bộ Tài chính)	4,0	
3	Giảm từ 20% trở lên mức tối đa thù lao dịch vụ đấu giá	5,0	5,0

	(không áp dụng đối với mức thù lao phần trăm trên phần chênh lệch giá trị tài sản theo giá trúng đấu giá với giá khởi điểm theo quy định của Bộ Tài chính)		
V	Tiêu chí khác phù hợp với tài sản đấu giá do người có tài sản đấu giá quyết định	5,0	
Tổng số điểm		100	82
VI	Có tên trong danh sách các tổ chức đấu giá tài sản do Bộ Tư pháp công bố		
1	Có tên trong danh sách tổ chức đấu giá tài sản do Bộ Tư pháp công bố (Thông báo số 581/TB-BTP ngày 23/3/2023 của Bộ tư pháp)	Dù điều kiện	Dù điều kiện
2	Không có tên trong danh sách tổ chức đấu giá tài sản do Bộ Tư pháp công bố	Không đủ điều kiện	

III. Kết luận:

Kết quả đánh giá thông qua hồ sơ năng lực tổ chức đấu giá: Trung tâm dịch vụ đấu giá tài sản tỉnh Đồng Nai, tổng số điểm đánh giá 82/100; Công ty đấu giá Hợp danh Đông Nam tổng số điểm đánh giá 85/100; Công ty đấu giá Hợp danh Miền Đông tổng số điểm đánh giá 82/100.

Chúng tôi thống nhất lựa chọn Công ty đấu giá Hợp danh Đông Nam là đơn vị tổ chức bán đấu giá lô tài sản 0,834 m³ gỗ xẻ Xoan đào; 2,082 m³ gỗ xẻ Căm xe; 0,953 m³ gỗ xẻ, gỗ tròn Căm xe; 2,426 m³ gỗ xẻ Bằng lăng; 0,947 m³ gỗ Tạp xẻ.

Biên bản kết thúc lúc 11h00' cùng ngày và được sự thống nhất của 5/5 thành viên tham dự (100%)./.

CHỦ TRÌ



Lại Ngọc Dậu

CÁC THÀNH VIÊN THAM GIA

Hoàng Thị Hồng

Ngô Xuân Hùng

Nguyễn Văn Công

Nguyễn Hải Giang